

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 03 năm 2014

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000145 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 3 tháng 8 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 17, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Tỉnh lộ 25B, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: DID.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thái Học	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Anh Vinh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Định	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)
Ông Phạm Văn Thành	Ủy viên
Ông Nguyễn Hùng Cường	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)
Ông Đoàn Thanh Long	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Quyền	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)
Ông Trần Hoàng Tuấn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Học	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thuật	Phó Giám đốc thứ nhất

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Nguyễn Thái Học

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Số: 307 /2014/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 29 tháng 3 năm 2013 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần. Chúng tôi đã thực hiện soát xét hồ sơ kiểm toán được lập bởi Công ty kiểm toán và kiểm toán khác phù hợp với Chuẩn mực Kiểm toán số 510 “Kiểm toán năm đầu tiên - Số dư đầu kỳ”.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty chưa trích lập dự phòng Nợ phải thu quá hạn thanh toán với số tiền là 1.189.704.622 đồng, dẫn đến khoản mục “Nợ phải thu ngắn hạn” (Mã số 130) trên Bảng Cân đối kế toán đang được phản ánh tăng lên một khoản tương ứng. Việc ghi nhận như trên chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Nếu thực hiện việc ghi nhận các khoản dự phòng nêu trên thì khoản mục “Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn” (Mã số 139) trên Bảng Cân đối kế toán sẽ tăng lên tương ứng. Đồng thời, chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giảm đi số tiền là 1.189.704.622 đồng.

Công ty đang ghi nhận chi phí trả trước dài hạn là vốn góp bằng thương hiệu của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp). Do hạn chế về mặt tài liệu, chúng tôi không thể xác định việc ghi nhận giá trị vốn góp bằng thương hiệu vào chi phí trả trước dài hạn là phù hợp với các quy định hiện hành. Theo đó, chúng tôi không thể đưa ý kiến nhận xét về tính đầy đủ và giá trị của chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” và chỉ tiêu “Vốn chủ sở hữu”, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty chưa cung cấp Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến, Công ty liên kết của Công ty nên chúng tôi không thể đánh giá mức giảm giá để lập dự phòng (nếu có) cho khoản đầu tư vào Công ty liên kết này theo các quy định hiện hành. Chúng tôi cũng không thể kiểm tra bằng các thủ tục thay thế khác, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc đánh giá khoản mục đầu tư vào Công ty liên kết cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0779-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Tiến Trình

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1806-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		91.811.112.476	83.278.031.343
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	3.922.009.496	5.361.603.745
1. Tiền	111		3.922.009.496	5.361.603.745
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.561.147.006	44.396.953.704
1. Phải thu khách hàng	131		52.351.046.304	32.951.371.680
2. Trả trước cho người bán	132		9.782.887.068	11.497.407.781
5. Các khoản phải thu khác	135	6.2	1.474.884.946	595.940.358
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn	139		(1.047.671.312)	(647.766.115)
IV. Hàng tồn kho	140	6.3	21.781.604.123	31.058.648.299
1. Hàng tồn kho	141		21.781.604.123	31.058.648.299
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.546.351.851	2.460.825.595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		256.813.135	365.677.399
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	231.390.758
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.4	3.289.538.716	1.863.757.438
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.430.517.623	48.828.574.801
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		46.468.786.602	43.563.560.417
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.5	44.996.481.471	39.136.789.305
- Nguyên giá	222		73.224.718.399	62.020.416.268
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.228.236.928)	(22.883.626.963)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.6	1.472.305.131	4.426.771.112
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6.151.500.000	2.151.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252	6.7	6.000.000.000	2.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.8	151.500.000	151.500.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.810.231.021	3.113.514.384
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.9	3.810.231.021	3.113.514.384
TỔNG TÀI SẢN	270		148.241.630.099	132.106.606.144

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		89.347.732.121	72.966.151.143
I. Nợ ngắn hạn	310		81.919.732.121	67.238.801.143
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.10	52.301.800.994	36.372.021.028
2. Phải trả người bán	312		25.785.366.338	24.548.967.399
3. Người mua trả tiền trước	313		1.629.359.490	4.192.319.750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.11	1.772.905.581	1.573.627.746
5. Phải trả người lao động	315		29.491.594	11.544.657
9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.12	321.038.469	432.642.695
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		79.769.655	107.677.868
II. Nợ dài hạn	330		7.428.000.000	5.727.350.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.13	7.428.000.000	5.727.350.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.893.897.978	59.140.455.001
I. Vốn chủ sở hữu	410	6.14	58.893.897.978	59.140.455.001
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.408.000.000	7.408.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		453.264.365	453.264.365
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		673.306.541	673.306.541
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		359.327.072	605.884.095
TỔNG NGUỒN VỐN	440		148.241.630.099	132.106.606.144

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Thân Thanh Hoàng

Đoàn Thanh Long

Nguyễn Thái Học

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.15	166.053.004.038	96.677.674.050
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		166.053.004.038	96.677.674.050
4. Giá vốn hàng bán	11	6.16	153.605.854.238	84.229.537.010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.447.149.800	12.448.137.040
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.17	16.751.061	38.608.796
7. Chi phí tài chính	22	6.18	5.824.299.869	4.903.626.733
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.824.299.869	4.903.626.733
8. Chi phí bán hàng	24		2.063.700.397	1.204.428.889
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.552.362.631	5.010.437.752
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(976.462.036)	1.368.252.462
11. Thu nhập khác	31	6.19	1.075.685.367	6.216.000
12. Chi phí khác	32	6.19	185.259.928	234.737.549
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		890.425.439	(228.521.549)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(86.036.597)	1.139.730.913
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.20	3.320.426	120.265.991
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(89.357.023)	1.019.464.922
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.21	(18)	204

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2014.

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Thân Thanh Hoàng

Đoàn Thanh Long

Nguyễn Thái Học

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	155.641.113.008	109.527.688.429
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(60.569.494.648)	(86.130.992.997)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.140.401.921)	(9.534.435.636)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6.089.662.901)	(4.904.626.733)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(17.863.200)	(408.468.015)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.093.826.226	1.286.688.425
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.940.455.943)	(6.198.324.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	68.977.060.621	3.637.529.251
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(532.207.199)	(4.708.124.198)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.751.061	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(515.456.138)	(6.708.124.198)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	68.361.884.935	91.133.107.679
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(138.263.083.667)	(84.942.574.751)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(69.901.198.732)	1.190.532.928
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.439.594.249)	(1.880.062.019)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.361.603.745	7.241.665.764
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	3.922.009.496	5.361.603.745

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2014.

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Thân Thanh Hoàng

Đoàn Thanh Long

Nguyễn Thái Học

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần DIC - Đồng Tiến (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000145 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 3 tháng 8 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 13 tháng 10 năm 2010.

Công ty hiện đang niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2009. Mã cổ phiếu: DID

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 17, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Tỉnh lộ 25B, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng).

Sở hữu vốn

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Số vốn đã góp
	Cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	Tại 31/12/2013
		VND	%	VND
Trần Hoàng Tuấn	1.025.800	10.258.000.000	21%	10.258.000.000
Lê Thị Thu	578.000	5.780.000.000	12%	5.780.000.000
Đoàn Thanh Long	160.500	1.605.000.000	3%	1.605.000.000
Phạm Văn Thành	60.000	600.000.000	1%	600.000.000
Nguyễn Thái Học	40.000	400.000.000	1%	400.000.000
Hà Thị Thanh Châu	39.600	396.000.000	1%	396.000.000
Nguyễn Văn Thuật	34.000	340.000.000	1%	340.000.000
Nguyễn Ngọc Bội	17.400	174.000.000	0%	174.000.000
Vũ Trung Tuyền	3.000	30.000.000	0%	30.000.000
Các cổ đông nhỏ lẻ khác	3.041.700	30.417.000.000	61%	30.417.000.000
Tổng	5.000.000	50.000.000.000	100%	50.000.000.000

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 114 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 118 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Sản lắp mặt bằng;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước;
- Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh, kết cấu thép, sắt thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép lá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng, gỗ (từ nguồn hợp pháp), kim khí, máy móc thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh nhà;
- Môi giới, đầu giá bất động sản;
- Đầu tư xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp; và
- Mua bán, cho thuê, sửa chữa xe chuyên dùng, máy móc thiết bị ngành xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính năm:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay gặp các khó khăn tương tự.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản**Năm 2013****Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	10 - 14
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 10

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Tại Báo cáo riêng của Công ty, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê mặt bằng, chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân ánh đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Đại hội cổ đông của Công ty thông qua và có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIỀN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	1.025.137.225	2.020.032.601
Tiền gửi ngân hàng	2.896.872.271	3.341.571.144
Tổng	3.922.009.496	5.361.603.745

6.2 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng lương của Công nhân viên	125.339.000	192.269.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng		
Đông Phúc Tiến	15.000.000	90.972.000
Nguyễn Huy Hường	-	75.838.655
Trung tâm phát triển quỹ đất Nhơn Trạch	50.000.000	50.000.000
Phạm Văn Bùng - Long An, LT, ĐN	63.144.000	63.144.000
Công ty TNHH Công Lý	56.000.000	56.000.000
Các đối tượng khác	1.165.401.946	67.716.703
Tổng	1.474.884.946	595.940.358

6.3 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.241.963.701	17.313.043.360
Công cụ, dụng cụ	135.196.192	126.129.481
Sản xuất kinh doanh dở dang	4.571.841.351	4.571.841.351
Thành phẩm	4.815.892.815	9.032.163.972
Hàng hóa	16.710.064	15.470.135
Tổng	21.781.604.123	31.058.648.299
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	21.781.604.123	31.058.648.299

6.4 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	816.808.869	-
Tạm ứng	2.472.729.847	1.863.757.438
Tổng	3.289.538.716	1.863.757.438

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2013	11.104.620.550	10.302.933.745	39.013.915.243	87.369.890	1.511.576.840	62.020.416.268
Tăng trong năm	280.108.563	7.386.938.864	3.712.813.227	-	216.300.000	11.596.160.654
Mua mới trong năm	-	85.000.000	-	-	216.300.000	301.300.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	280.108.563	7.301.938.864	3.712.813.227	-	-	11.294.860.654
Giảm trong năm	42.608.697	147.393.979	-	-	201.855.847	391.858.523
Giảm khác	42.608.697	147.393.979	-	-	201.855.847	391.858.523
Tại ngày 31/12/2013	11.342.120.416	17.542.478.630	42.726.728.470	87.369.890	1.526.020.993	73.224.718.399
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2013	3.283.768.889	6.149.978.819	12.836.236.153	59.192.390	554.450.712	22.883.626.963
Tăng trong năm	688.207.054	1.248.660.082	3.550.933.847	9.945.000	143.773.366	5.641.519.349
Khấu hao trong năm	688.207.054	1.248.660.082	3.550.933.847	9.945.000	143.773.366	5.641.519.349
Giảm trong năm	27.577.221	136.036.845	-	-	133.295.318	296.909.384
Giảm khác	27.577.221	136.036.845	-	-	133.295.318	296.909.384
Tại ngày 31/12/2013	3.944.398.722	7.262.602.056	16.387.170.000	69.137.390	564.928.760	28.228.236.928
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2013	7.820.851.661	4.152.954.926	26.177.679.090	28.177.500	957.126.128	39.136.789.305
Tại ngày 31/12/2013	7.397.721.694	10.279.876.574	26.339.558.470	18.232.500	961.092.233	44.996.481.471

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2013: 3.030.982.535 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Hạ tầng kỹ thuật khu nhà tập thể DIC	1.472.305.131	1.472.305.131
Lắp đặt trạm trộn Phú Mỹ	-	46.210.072
Mua sắm tài sản cố định	-	2.908.255.909
Tổng	1.472.305.131	4.426.771.112

6.7 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến	6.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	6.000.000.000	2.000.000.000

Thông tin về Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến	Huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	40%	40%	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao

6.8 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần DIC Minh Hưng (i)	151.500.000	151.500.000
Tổng	151.500.000	151.500.000

(i): Số lượng cổ phần Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần DIC Minh Hưng là 15.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), tương ứng tỷ lệ phần sở hữu cũng như tỷ lệ quyền biểu quyết là 0,89%.

6.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	3.113.514.384	4.241.136.677
Tăng trong năm	3.631.353.791	1.339.029.678
Phân bổ vào chi phí trong năm	(2.934.637.154)	(2.466.651.971)
Tại ngày 31 tháng 12	3.810.231.021	3.113.514.384

6.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)

Chi tiết số dư tại 31 tháng 12 năm 2013:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ dụng cụ phân bổ	1.715.190.993	1.381.490.378
Sửa chữa tài sản cố định	1.880.438.204	1.387.084.306
Giá trị thương hiệu DIC	100.000.000	200.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	114.601.824	144.939.700
Tổng	3.810.231.021	3.113.514.384

6.10 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam		
- CN Nhơn Trạch (i)	4.719.603.769	3.284.529.300
Ngân hàng TMCP ĐTPPT Việt Nam		
- CN Đồng Đồng Nai (ii)	17.304.047.500	14.016.492.020
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
- CN Nhơn Trạch (iii)	26.758.149.725	17.560.999.708
Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam		
- CN Nhơn Trạch	3.520.000.000	1.510.000.000
Tổng	52.301.800.994	36.372.021.028

Các khoản vay ngắn hạn bao gồm:

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch dưới hình thức các Hợp đồng tín dụng. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 5 tỷ với lãi suất vay 17%/năm, mức lãi suất có thể thay đổi phù hợp với lãi suất cho vay trên địa bàn; lãi trả hàng tháng; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty đã sử dụng nhà cửa, vật kiến trúc, nhà văn phòng, phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị, tài sản cố định khác để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đồng Nai dưới hình thức các Hợp đồng tín dụng. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 35 tỷ với lãi suất được tính trong từng hợp đồng tín dụng theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đồng Nai và toàn bộ khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty được thụ hưởng, để thế chấp cho các khoản vay này.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch dưới hình thức Hợp đồng tín dụng. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 30 tỷ với lãi suất được tính trong từng hợp đồng tín dụng theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất áp dụng theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch tại từng thời điểm nhận nợ; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty đã sử dụng giá trị hàng tồn kho trị giá 15 tỷ và khoản phải thu trị giá 20 tỷ để thế chấp cho khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.11 THUẾ VÀ KHOẢN KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.257.286.597	913.893.550
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.320.426	17.863.200
Thuế thu nhập cá nhân	512.298.558	641.870.996
Tổng	1.772.905.581	1.573.627.746

6.12 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	13.393.556	-
Bảo hiểm y tế	-	44.189.547
Bảo hiểm thất nghiệp	1.228.430	21.883.148
Các khoản phải trả, phải nộp khác	306.416.483	366.570.000
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>70.070.000</i>	<i>77.070.000</i>
<i>Tiền thế chấp tài sản của tài xế</i>	<i>236.133.888</i>	<i>279.500.000</i>
<i>Khác</i>	<i>212.595</i>	<i>10.000.000</i>
Tổng	321.038.469	432.642.695

6.13 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam CN Nhơn Trạch	780.000.000	2.360.000.000
Ngân hàng TMCP ĐTPPT Việt Nam - CN Đồng Đồng Nai	6.648.000.000	3.367.350.000
Tổng	7.428.000.000	5.727.350.000

Vay dài hạn thể hiện khoản vay sau:

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nhơn Trạch, phương thức cho vay từng lần với mức dư nợ cao nhất là 7 tỷ, lãi suất từ 15% đến 15,5%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần; lãi trả theo tháng. Thời hạn hợp đồng 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo bằng phương tiện vận tải và các máy móc thiết bị được hình thành từ khoản vay của Công ty.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đồng Nai với phương thức cho vay từng lần; mức dư nợ tối đa là 11 tỷ đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 15%, điều chỉnh 3 tháng một lần theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đồng Nai. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là 2 xe chuyển trộn bê tông và 1 xe xúc lật và các tài sản hình thành trong tương lai từ khoản vay của Công ty.

6.13 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)

Khoản vay dài hạn được trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.520.000.000	1.510.000.000
Trong năm thứ hai	2.980.000.000	2.440.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	4.448.000.000	3.287.350.000
Tổng	10.948.000.000	7.237.350.000
Trừ: Số phải trả trong vòng mười hai tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	3.520.000.000	1.510.000.000
Vay dài hạn	7.428.000.000	5.727.350.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIẾN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2012	50.000.000.000	7.408.000.000	453.264.365	673.306.541	5.236.537.665	63.771.108.571
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.019.464.922	1.019.464.922
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.019.464.922	1.019.464.922
Giảm trong năm	-	-	-	-	5.650.118.492	5.650.118.492
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Chi thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2011	-	-	-	-	180.360.000	180.360.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	101.946.492	101.946.492
Chi hoa hồng bán hàng	-	-	-	-	367.812.000	367.812.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	50.000.000.000	7.408.000.000	453.264.365	673.306.541	605.884.095	59.140.455.001
Tại ngày 01/01/2013	50.000.000.000	7.408.000.000	453.264.365	673.306.541	605.884.095	59.140.455.001
Tăng trong năm	-	-	-	-	(89.357.023)	(89.357.023)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(89.357.023)	(89.357.023)
Giảm trong năm	-	-	-	-	157.200.000	157.200.000
Chi thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2012	-	-	-	-	157.200.000	157.200.000
Tại ngày 31/12/2013	50.000.000.000	7.408.000.000	453.264.365	673.306.541	359.327.072	58.893.897.978

CÔNG TY CỔ PHẦN DIC - ĐỒNG TIỀN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

6.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD			Số vốn đã góp
	Cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	Tại 31/12/2013
		VND	%	VND
Trần Hoàng Tuấn	1.025.800	10.258.000.000	21%	10.258.000.000
Lê Thị Thu	578.000	5.780.000.000	12%	5.780.000.000
Đoàn Thanh Long	160.500	1.605.000.000	3%	1.605.000.000
Phạm Văn Thành	60.000	600.000.000	1%	600.000.000
Nguyễn Thái Học	40.000	400.000.000	1%	400.000.000
Hà Thị Thanh Châu	39.600	396.000.000	1%	396.000.000
Nguyễn Văn Thuật	34.000	340.000.000	1%	340.000.000
Nguyễn Ngọc Bội	17.400	174.000.000	0%	174.000.000
Vũ Trung Tuyển	3.000	30.000.000	0%	30.000.000
Các cổ đông nhỏ lẻ khác	3.041.700	30.417.000.000	61%	30.417.000.000
Tổng	5.000.000	50.000.000.000	100%	50.000.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	CP	CP
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phần bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

6.15 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	164.119.744.275	87.833.909.267
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.933.259.763	8.843.764.783
	166.053.004.038	96.677.674.050
Các khoản giảm trừ	-	-
Tổng	166.053.004.038	96.677.674.050

6.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	152.054.168.349	79.306.490.967
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.551.685.889	4.923.046.043
Tổng	153.605.854.238	84.229.537.010

6.17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	16.751.061	38.608.796
Tổng	16.751.061	38.608.796

6.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.824.299.869	4.903.626.733
Tổng	5.824.299.869	4.903.626.733

6.19 THU NHẬP KHÁC/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập khác		
Tài sản cố định được đánh giá lại góp vốn	1.069.875.619	-
Thu nhập khác	5.809.748	6.216.000
Tổng	1.075.685.367	6.216.000
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản góp vốn	115.102.000	-
Phạt vi phạm an toàn giao thông	12.600.000	12.200.000
Phạt vi phạm môi trường	-	114.000.000
Chi phí khác	57.557.928	108.537.549
Tổng	185.259.928	234.737.549
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	890.425.439	(228.521.549)

6.20 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(86.036.597)	1.139.730.913
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	112.600.000	234.737.549
Tổng thu nhập chịu thuế	26.563.403	1.374.468.462
Thuế suất thuế TNDN thông thường	25%	25%
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	6.640.851	343.617.116
Miễn giảm thuế		
Thuế TNDN được miễn giảm 50%	3.320.425	171.808.558
Thuế TNDN được miễn giảm 30%	-	51.542.567
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.320.426	120.265.991

6.21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(89.357.023)	1.019.464.922
Cổ phiếu phổ thông đang LHBQ trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(18)	204

6.22 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.978.231.302	62.210.271.538
Chi phí nhân công	9.555.203.379	8.574.363.029
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.868.208.217	4.439.417.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.500.746.305	2.085.636.933
Chi phí dự phòng	399.905.197	-
Chi phí khác bằng tiền	25.328.481.046	13.369.451.888
Tổng	160.630.775.446	90.679.141.200

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập Ban Giám đốc của Công ty trong năm:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lương	546.117.032	644.056.659
Thưởng	-	41.952.000
Tổng	546.117.032	686.008.659

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đồng Phúc Tiến	4.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	4.000.000.000	2.000.000.000

7.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và khoản tương đương tiền	3.922.009.496	5.361.603.745
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.351.046.304	32.899.545.923
Đầu tư dài hạn	151.500.000	151.500.000
Tổng	56.424.555.800	38.412.649.668
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	59.729.800.994	42.099.371.028
Phải trả người bán và phải trả khác	26.106.404.807	24.981.610.094
Tổng	85.836.205.801	67.080.981.122

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ nhưng không trọng yếu, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

7.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong ngành dầu khí và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.922.009.496	-	3.922.009.496
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.351.046.304	-	52.351.046.304
Đầu tư tài chính dài hạn	-	151.500.000	151.500.000
Tổng	56.273.055.800	-	56.273.055.800
Tại ngày 31/12/2013			
Các khoản vay	52.301.800.994	7.428.000.000	59.729.800.994
Phải trả người bán và phải trả khác	26.106.404.807	-	-
Tổng	78.408.205.801	7.428.000.000	59.729.800.994
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.361.603.745	-	5.361.603.745
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.899.545.923	-	32.899.545.923
Đầu tư tài chính dài hạn	-	151.500.000	151.500.000
Tổng	38.261.149.668	-	38.261.149.668
Tại ngày 01/01/2013			
Các khoản vay	36.372.021.028	5.727.350.000	42.099.371.028
Phải trả người bán và phải trả khác	24.981.610.094	-	24.981.610.094
Tổng	61.353.631.122	5.727.350.000	67.080.981.122
Chênh lệch thanh khoản thuần	(23.092.481.454)	(5.727.350.000)	(28.819.831.454)

7.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Tài chính quốc tế.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2014.

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Thân Thanh Hoàng

Đoàn Thanh Long

Nguyễn Thái Học